



MARKET INSIGHTS REPORTS

05.11.2024

THANH KHOẢN GIẢM THẤP NHẤT 1,5 NĂM



NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYÊN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
Phân kỳ dương giữa giá và RSI(14) đang hình thành
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY
Chính sách tiền tệ của các nước trên thế giới
TTCK Ấn Độ bị rút 10 tỷ trong tháng 10/2024
- 10** TTCK MỸ
Dự báo các chỉ số chính giao dịch sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tới nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	438
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	187
Số cổ phiếu giảm giá	168
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	83

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	207
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	81
Số cổ phiếu giảm giá	57
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	69

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	341
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	147
Số cổ phiếu giảm giá	102
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	92

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	28,341.25	47,650.94	(19,309.69)
% KL toàn thị trường	6.81%	11.44%	
Giá trị	939,693	1,795,588	(855,896)
% GT toàn thị trường	8.56%	16.35%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	609.70	1,282.81	(673.11)
% KL toàn thị trường	6.81%	11.44%	
Giá trị	17,092	34,558	(17,466)
% GT toàn thị trường	2.23%	4.52%	

UPCOM

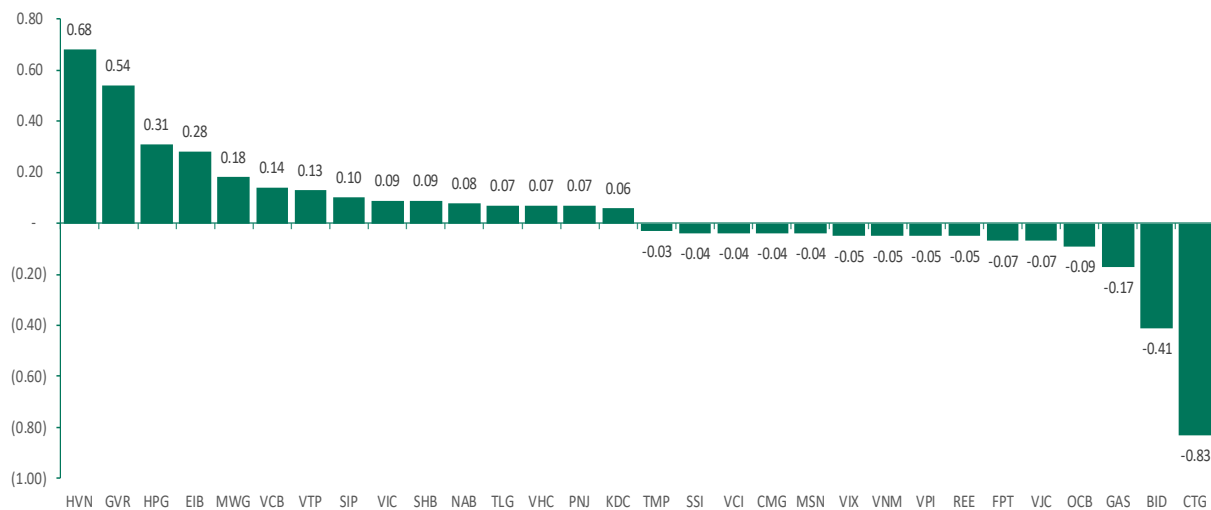
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	998.96	268.55	730.41
% KL toàn thị trường	5.07%	1.36%	
Giá trị	8,488	5,384	3,103
% GT toàn thị trường	2.25%	1.43%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,082,700	92,600	100 (0.11%)	14.95	2.72	6,194	517,550
2	BID	1,526,000	47,400	-300 (-0.63%)	11.28	1.95	4,201	270,201
3	FPT	1,657,100	132,600	-200 (-0.15%)	23.46	5.48	5,652	195,064
4	CTG	4,093,100	35,050	-650 (-1.82%)	8.49	1.34	4,128	188,218
5	VHM	14,140,300	41,500	0 (0%)	8.85	0.84	4,691	180,706
6	HPG	8,094,800	26,500	200 (0.76%)	13.07	1.52	2,028	169,501
7	TCB	9,921,800	23,450	0 (0%)	4.46	1.14	5,254	165,206
8	GAS	542,000	69,600	-300 (-0.43%)	14.41	2.73	4,831	163,050
9	VIC	963,000	41,300	100 (0.24%)	16.57	0.96	2,492	157,917
10	VPB	9,956,500	19,700	0 (0%)	11.73	1.10	1,679	156,298

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+0.27%	+35.86%	1,596
📄 Tài chính	-0.13%	+19.06%	104
↳ Tổ chức tín dụng	-0.13%	+20.92%	29
↳ Dịch vụ tài chính	-0.28%	+6.67%	62
↳ Bảo hiểm	+0.30%	+13.70%	13
🏠 Bất động sản	+0.19%	-2.50%	142
🏭 Công nghiệp	+0.53%	+80.86%	388
↳ Vận tải	+0.61%	+110.85%	132
↳ Tư liệu sản xuất	+0.57%	+18.50%	212
↳ Dịch vụ chuyên biệt và thương mại	-0.77%	+177.51%	44
🍷 Tiêu dùng thiết yếu	+0.36%	+39.91%	161
↳ Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+0.36%	+39.92%	155
↳ Đồ gia dụng và cá nhân	-0.36%	+35.13%	6
🧵 Nguyên vật liệu	+0.61%	+16.22%	257
🏠 Tiện ích	-0.16%	+4.61%	148
🛒 Tiêu dùng không thiết yếu	+0.48%	+29.56%	263
↳ Phân phối và bán lẻ hàng lâu bền	+0.46%	+36.46%	126
↳ Hàng tiêu dùng và trang trí	+0.57%	+22.00%	92
↳ Dịch vụ tiêu dùng	+0.56%	-18.58%	33
↳ Xe và linh kiện	-0.43%	-16.07%	12
🏥 Viễn thông	+2.99%	+237.01%	49
↳ Viễn thông	+3.24%	+293.73%	22
↳ Truyền thông giải trí	-1.34%	-26.81%	27
💻 Công nghệ thông tin	-0.20%	+56.68%	14
↳ Phần mềm	-0.20%	+56.90%	7
↳ Phần cứng	0%	+23.55%	5
↳ Bán dẫn	0%	-6.89%	2
🏋️ Năng lượng	+0.20%	+28.84%	21
🩺 Chăm sóc sức khỏe	-0.02%	+23.08%	49
↳ Dược phẩm - sinh học	+0.14%	+24.74%	44
↳ Chăm sóc sức khỏe	-2.34%	+1.46%	5

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 1.05 điểm (+ 0.08%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Viễn thông, nguyên vật liệu, vận tải, tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng và trang trí, dịch vụ tiêu dùng, phân phối bán lẻ hàng lâu bền, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, bảo hiểm, năng lượng, bất động sản... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như VGI, FOX, CTR, HPG, GVR, DCM, HSG, VGC, BMP, NTP, ACV, HVN, VTP, SCS, HAH, VEA, PC1, CTD, DPG, CII, VGT, MSH, TLG, VNG, NVT, SGH, MWG, PLX, PNJ, MCH, QNS, VHC, BVH, BSR, VIC, VRE, TCH, DIG, HDG, CEO, ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) FOX tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Doji”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vận động đi ngang quanh vùng 87 – 92. NĐT nên quan sát xu hướng;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 67%;

(ii) HPG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá phục hồi từ ngưỡng hỗ trợ động MA(50) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu có xu hướng đi ngang quanh vùng giá 26 – 28;
- ✓ HPG đã tăng giá bán tôn mạ - Đây là thông tin tích cực để cải thiện lợi nhuận gộp;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 53%;

(iii) CTD tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đang tái tích lũy dưới mốc kháng cự MA(200) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Chúng tôi thấy báo cáo tài chính mới nhập của CTD đã bắt đầu thu được các khoản dự phòng nợ xấu (Quý này thu được 10 tỷ đồng). Chúng tôi cho rằng CTD đã ở cuối chu kỳ trích lập và bắt đầu có triển vọng tốt trong giai đoạn tới;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(iv) MSH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá phục hồi tốt từ hỗ trợ động MA(200) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Dải băng mở ra hỗ trợ giá lên và RSI(14) thiết lập mốc cao mới gợi ý khả năng bứt phá;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(2) Chăm sóc sức khỏe, truyền thông giải trí, dịch vụ chuyên biệt và thương mại, xe và linh kiện, đồ gia dụng và cá nhân, dịch vụ tài chính, phần mềm, tiện ích, tổ chức tín dụng... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như TNH, TTD, VNZ, YEG, VNB, VEF, DRC, CSM, SRC, LIX, NET, SSI, HCM, VIX, VCI, BSI, FPT, CMG, GAS, REE, NT2, BID, CTG, STB... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) TNH giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Hỗ trợ hiện tại là vùng giá 21 – Đường kênh tăng giá thiết lập từ 25/07/2024;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 64%;

(ii) DRC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá cổ phiếu đang vận động theo mô hình Bullsih Falling Wedge với hỗ trợ quanh vùng giá 27 – NĐT nên quan sát cổ phiếu này;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

(iii) SSI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Xét mô hình vận động, SSI đang khá tiêu cực khi đã phá vỡ kênh tăng giá trung hạn thiết lập từ tháng 7/2024 và đang giao dịch kiểu “nụ hôn thần chết” với kháng cự là 27. Do vậy, đây là mô hình quan sát chứ không phải mô hình mở lệnh mua mới;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(iv) FPT giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng - Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu có dấu hiệu đi ngang quanh vùng giá 130 – 140. Về cơ bản hiện định giá FPT tương đối cao và không ngoại trừ kiểu giao dịch như FRT là cổ phiếu đi ngang cả năm;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 52%;

(v) GAS giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng - Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu giảm giá và bám biên dải băng dưới – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Hỗ trợ là vùng giá 69;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 50%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Phân kỳ dương giữa giá và RSI(14) đang hình thành

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Candle”. Khối lượng giao dịch và giảm nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình tăng giá cổ sự hỗ trợ bởi khối lượng – Tín hiệu không quá tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 869 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: TCB, VPB, EIB, PC1, LPB, ANV, HDG, VTP, PDR, NAB... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: MSN, VHM, MWG, BMP, FPT, STB, CTG, KDH, KBC, DBC... Việc tỷ tăng cao và lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ 10 năm vượt lên trên mức lợi suất 4.3% có thể là nguyên nhân chính khiến dòng vốn ngoại rút ròng khỏi các TTCK mới nổi trong giai đoạn hiện tại. Chúng ta phải chờ đợi xem lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ 10 năm có tạo đỉnh trong vài ngày tới hay không mới hy vọng sự đảo chiều bán ròng của khối ngoại.

(ii) VN-Index xuống thấp hơn mốc hỗ trợ động MA(200). Trong hai lần gần nhất rơi xuống thấp hơn vùng hỗ trợ này VN-Index đều phục hồi khá nhanh với mô hình 4 phiên giao dịch quanh vùng hỗ trợ này. Chúng tôi vẫn kỳ vọng rằng hỗ trợ MA(200) sẽ đứng vững lúc này.

(iii) Một phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều ngắn hạn đang hình thành giữa giá và RSI(14) – Tín hiệu tích cực trong ngắn hạn.

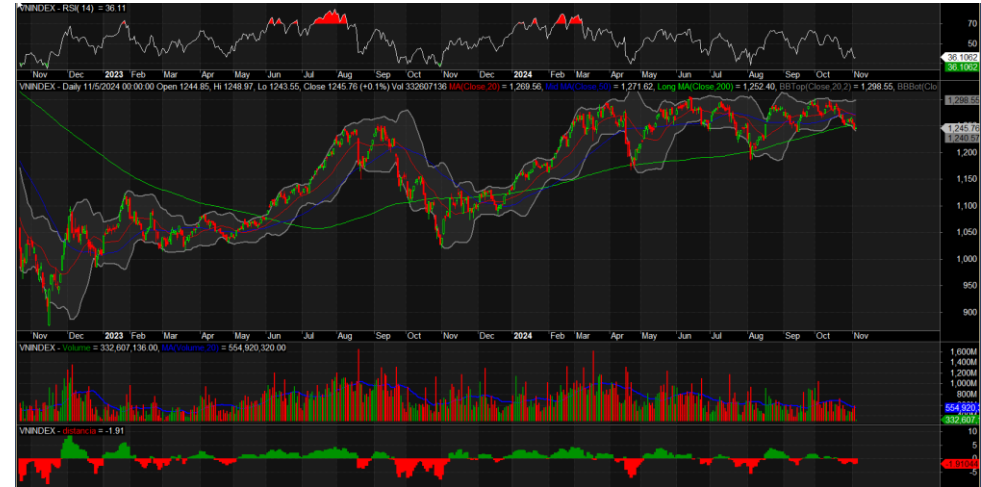
(iv) Hôm nay áp lực bán đã giảm bớt tuy nhiên ở phía ngược lại chiều mua chưa được cải thiện khiến thanh khoản thị trường xuống thấp nhất trong 1,5 năm. Điểm sáng là chúng tôi nhận thấy một vài mã cổ phiếu đã có những nỗ lực đi ngược và tạo chu kỳ tăng giá T+ khá tốt như TLG, VEA, HAH, VGI, VTP... Độ rộng nhóm này mở rộng sẽ tạo cơ hội tạo đáy ngắn hạn cho thị trường.

(v) Trong 1 tháng trở lại đây, xu hướng đi ngang là xu hướng chủ đạo. Điều này khiến NĐT đang bất an và họ cảm thấy bế tắc với thị trường (Khác với tâm lý hưng phấn trong tháng 9/2024 khi mà tỷ giá giảm, FED hạ lãi suất...). Thị trường có xu hướng giao dịch ở vùng cận dưới hỗ trợ 1,240 – 1,250 điểm. Nhà đầu tư cảm thấy bị quan với triển vọng thị trường hiện tại do giai đoạn bảo mòn với kiểu giao dịch mô hình “Con Tôm” của thị trường. Mua vào T+3 sẽ có lãi nhưng với hiệu suất dưới 2%, T+6 hòa vốn và T+ 15 sẽ lỗ. Khi vừa bán xong cổ phiếu cũng sẽ bật tăng trở lại và quay trở về vùng giá đi ngang trong tháng. Về cơ bản đây là giai đoạn nếu giao dịch với vòng quay nhiều sẽ lỗ. Với người nắm giữ lâu cũng không có hiệu suất sinh lời mà chủ yếu đi ngang.

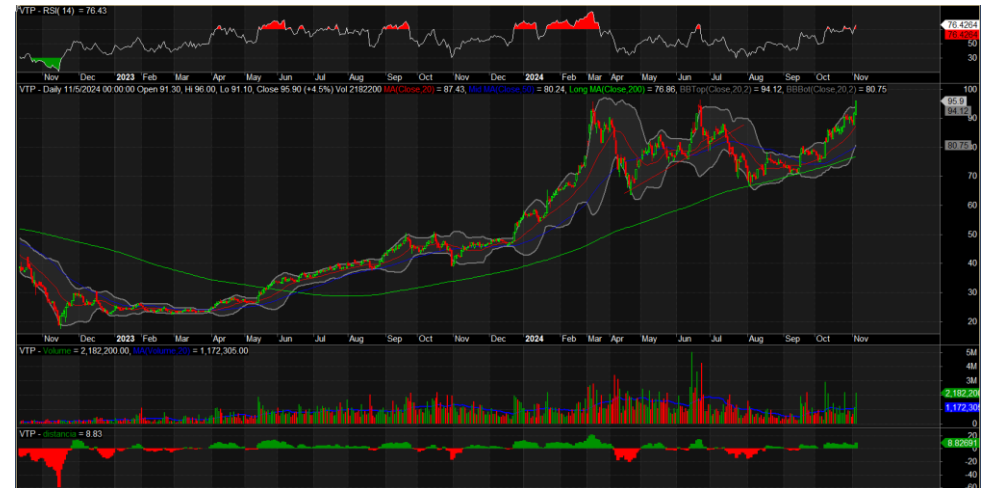
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 01 mã cho tín hiệu mua, 02 mã cho tín hiệu bán, 27 mã cho tín hiệu đi ngang. BVH...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 50% và 100% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch không rõ tăng hay giảm điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 4. Hỗ trợ là 1,240 điểm và kháng cự là 1,270 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VTP



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	482.34	482.49	482.2	YES	483.55	485.04	486.25	487.74	480.85	479.64	478.15	476.94
HNXINDEX	224.68	224.58	224.77	YES	225.16	225.47	225.95	226.26	224.37	223.89	223.58	223.1
UPIINDEX	91.79	91.74	91.85	YES	92.02	92.14	92.37	92.49	91.67	91.44	91.32	91.09
VN30	1314.27	1314.72	1313.81	YES	1316.68	1320.02	1322.43	1325.77	1310.93	1308.52	1305.18	1302.77
VNINDEX	1246.09	1246.26	1245.93	YES	1248.64	1251.51	1254.06	1256.93	1243.22	1240.67	1237.8	1235.25
VNXALL	2079.56	2079.56	2079.56	YES	2079.56	2079.56	2079.56	2079.56	2079.56	2079.56	2079.56	2079.56
VN30F1M	1320.13	1320.7	1319.57	YES	1323.07	1327.13	1330.07	1334.13	1316.07	1313.13	1309.07	1306.13
VN30F1Q	1321.9	1321.35	1322.45	YES	1324.5	1326	1328.6	1330.1	1320.4	1317.8	1316.3	1313.7
VN30F2M	1322.87	1323.05	1322.68	YES	1325.63	1328.77	1331.53	1334.67	1319.73	1316.97	1313.83	1311.07
VN30F2Q	1323.57	1324.5	1322.63	YES	1325.43	1329.17	1331.03	1334.77	1319.83	1317.97	1314.23	1312.37
BCM	65.67	65.6	65.73	NO	66.13	66.47	66.93	67.27	65.33	64.87	64.53	64.07
ACB	24.8	24.83	24.78	NO	24.85	24.95	25	25.1	24.7	24.65	24.55	24.5
BID	47.55	47.63	47.47	NO	47.75	48.1	48.3	48.65	47.2	47	46.65	46.45
BVH	43.7	43.55	43.85	NO	44.4	44.8	45.5	45.9	43.3	42.6	42.2	41.5
CTG	35.27	35.38	35.16	NO	35.48	35.92	36.13	36.57	34.83	34.62	34.18	33.97
GAS	69.67	69.7	69.63	YES	69.93	70.27	70.53	70.87	69.33	69.07	68.73	68.47
GVR	32.03	32	32.07	NO	32.42	32.73	33.12	33.43	31.72	31.33	31.02	30.63
FPT	132.97	133.15	132.78	NO	133.63	134.67	135.33	136.37	131.93	131.27	130.23	129.57
HDB	26.07	26.08	26.06	YES	26.23	26.42	26.58	26.77	25.88	25.72	25.53	25.37
HPG	26.42	26.38	26.46	NO	26.63	26.77	26.98	27.12	26.28	26.07	25.93	25.72
MBB	24.48	24.5	24.47	YES	24.57	24.68	24.77	24.88	24.37	24.28	24.17	24.08
MSN	73.27	73.35	73.18	NO	73.53	73.97	74.23	74.67	72.83	72.57	72.13	71.87
MWG	65.33	65.2	65.47	NO	65.87	66.13	66.67	66.93	65.07	64.53	64.27	63.73
PLX	40.03	40.03	40.04	YES	40.37	40.68	41.02	41.33	39.72	39.38	39.07	38.73
POW	11.53	11.52	11.54	YES	11.62	11.68	11.77	11.83	11.47	11.38	11.32	11.23
SAB	55.67	55.75	55.58	NO	55.93	56.37	56.63	57.07	55.23	54.97	54.53	54.27
SSB	16.62	16.55	16.68	NO	16.88	17.02	17.28	17.42	16.48	16.22	16.08	15.82
SHB	10.5	10.48	10.52	NO	10.6	10.65	10.75	10.8	10.45	10.35	10.3	10.2
SSI	26.25	26.3	26.2	NO	26.35	26.55	26.65	26.85	26.05	25.95	25.75	25.65
STB	35	35.07	34.92	NO	35.15	35.45	35.6	35.9	34.7	34.55	34.25	34.1
TCB	23.52	23.55	23.48	NO	23.58	23.72	23.78	23.92	23.38	23.32	23.18	23.12
TPB	16.58	16.6	16.57	NO	16.67	16.78	16.87	16.98	16.47	16.38	16.27	16.18
VHM	41.52	41.53	41.51	YES	41.78	42.07	42.33	42.62	41.23	40.97	40.68	40.42
VCB	92.53	92.5	92.57	YES	93.07	93.53	94.07	94.53	92.07	91.53	91.07	90.53
VIB	18.53	18.55	18.52	YES	18.62	18.73	18.82	18.93	18.42	18.33	18.22	18.13
VJC	103.4	103.35	103.45	YES	104.2	104.9	105.7	106.4	102.7	101.9	101.2	100.4
VIC	41.22	41.17	41.26	NO	41.38	41.47	41.63	41.72	41.13	40.97	40.88	40.72
VPB	19.68	19.67	19.69	YES	19.82	19.93	20.07	20.18	19.57	19.43	19.32	19.18
VNM	65.67	65.75	65.58	NO	65.83	66.17	66.33	66.67	65.33	65.17	64.83	64.67
VRE	17.73	17.73	17.74	YES	17.87	17.98	18.12	18.23	17.62	17.48	17.37	17.23

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
VTP	2,182,200	967,290	226	4.47
TVC	1,386,800	267,680	518	7.92
ANV	1,368,000	605,240	226	1.52
TLD	1,195,800	396,490	301.6	-5.96
SIP	935,000	192,720	485	2.64
SJD	793,800	333,490	238	2.72
CTP	791,200	236,010	335.24	-0.28
NO1	755,000	321,500	235	4.29
VLB	725,800	151,040	481	0
TLG	723,700	151,660	477.19	6.52
VIP	301,500	138,430	218	-0.38
CRC	300,500	109,800	274	2.24
SGR	255,300	113,820	224	0.52
VSH	222,300	19,030	1,168	-0.41
TVB	134,000	63,140	212.23	2.69
VTV	129,500	29,220	443	4.35
CMM	107,300	26,690	402	1.1
CNT	60,200	6,360	947	4.14
LSG	57,300	22,210	258	0.91
PLP	47,900	19,970	239.86	-1.08
DXV	44,900	9,810	458	6.86
DMN	44,300	140	31,643	-5.77
FUEDCMID	36,300	17,580	206	-0.09
SBA	35,400	5,530	640	0.16
CHP	34,400	13,730	250.55	1.2
ICG	34,100	6,670	511	1.61
KGM	30,700	11,230	273	1.45
HU4	30,000	11,630	258	-0.9
UNI	24,800	10,710	232	-2.9
ND2	23,100	3,470	666	3.95
TV4	22,800	10,860	210	0.7
TIN	22,600	7,600	297	1.48
VNG	22,500	10,400	216	0.12
SRB	22,000	6,350	346	5.56
TSA	21,900	9,650	227	0
POS	21,600	2,050	1,054	-0.95
KDM	21,200	5,720	371	1.84
VEF	20,800	9,630	216	-0.49
PLO	20,300	8,450	240	13.89
SCL	20,000	3,740	535	0

- Lưu ý: VTP, TVC...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
29-Oct	YEG	Mua	≤ 11	10% -20%	Mô hình đáy vòng
29-Oct	REE	Mua	≤ 66	10% -20%	Phân kỳ dương giữa giá và RSI(14), Bullish Falling Wedge
29-Oct	VGC	Mua	≤ 42	10% -20%	Mô hình hai đáy
29-Oct	VGI	Mua	≤ 74	10% -20%	Mô hình đáy vòng

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Trong tuần từ 28/10 - 01/11, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh giảm nhẹ ở hầu hết các phiên, chỉ giảm nhẹ phiên cuối tuần. Chốt ngày 01/11, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.242 VND/USD, giảm 13 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN tiếp tục niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.400 VND/USD và tỷ giá bán giao ngay ở mức 25.450 VND/USD. Tỷ giá LNH trong tuần từ 28/10 - 01/11 biến động theo xu hướng giảm. Kết thúc phiên 01/11, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.294, giảm 82 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng giảm đan xen qua các phiên. Chốt phiên 01/11, tỷ giá tự do giảm 10 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 25.690 VND/USD và 25.790 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Tuần từ 28/10 - 01/11, lãi suất VND LNH tăng mạnh 2 phiên đầu tuần rồi giảm dần trở lại sau đó. Chốt ngày 01/11, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 3,97% (0,05 đpt); 1W 4,20% (+0,17 đpt); 2W 4,30% (+0,08 đpt); 1M 4,37% (+0,07 đpt). Lãi suất USD LNH trong tuần vẫn ít biến động ở tất cả các kỳ hạn. Phiên 01/11, lãi suất USD LNH đóng cửa không thay đổi so với phiên cuối tuần trước đó ở các kỳ hạn ngắn và giảm 0,01 đpt ở các kỳ hạn 2W và 1M, giao dịch tại: ON 4,83%; 1W 4,88%; 2W 4,91% và 1M 4,93%.
- Thị trường mở:** Trên thị trường mở tuần qua từ 28/10 - 01/11, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 34.000 tỷ đồng, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Có 33.999,91 tỷ đồng trúng thầu, có 13.014,57 đáo hạn trong tuần qua trên kênh cầm cố. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN 2 kỳ hạn 14 ngày và 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Kỳ hạn 14 ngày có 15.600 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất biến động từ 3,70% xuống 3,75%, phiên cuối tuần ở mức 3,70%; kỳ hạn 28 ngày có 7.950 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất 4 phiên đầu tuần ở mức 3,99%, phiên cuối tuần giảm xuống mức 3,90%. Như vậy, NHNN bơm ròng 1.835,43 tỷ đồng ra thị trường trong tuần qua bằng kênh thị trường mở. Có 33.999,91 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố, có 86.100 tỷ đồng tín phiếu NHNN lưu hành trên thị trường.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và đề tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

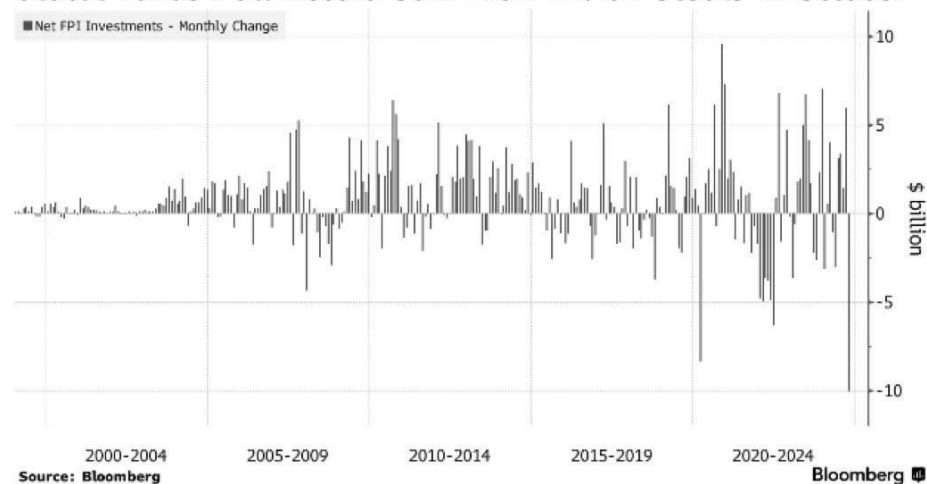


Chính sách tiền tệ của các nước trên thế giới

Global Central Bank Policy Rates							
Country	Rate	Central Bank Rate (Today)	CPI YoY	Real Central Bank Rate	YoY CPI Trend vs. Prior Reading	Last Move	Last Move Month
Japan	Policy Rate Bal	0.25%	2.5%	-2.3%	Lower	Hike	Jul-24
Switzerland	Target Rate	1.00%	0.6%	0.4%	Lower	Cut	Sep-24
Taiwan	Discount Rate	2.00%	1.8%	0.2%	Lower	Hike	Mar-24
Thailand	Policy Rate	2.25%	0.6%	1.6%	Higher	Cut	Oct-24
Denmark	Deposit Rate	2.85%	1.3%	1.6%	Lower	Cut	Oct-24
Malaysia	Policy Rate	3.00%	1.8%	1.2%	Lower	Hike	May-23
China	Loan Prime Rate	3.10%	0.4%	2.7%	Lower	Cut	Oct-24
Sweden	Repo Rate	3.25%	1.6%	1.7%	Lower	Cut	Sep-24
South Korea	Repo Rate	3.25%	1.3%	2.0%	Lower	Cut	Oct-24
Eurozone	Deposit Rate	3.25%	2.0%	1.3%	Higher	Cut	Oct-24
Canada	Overnight	3.75%	1.6%	2.2%	Lower	Cut	Oct-24
Czech Republic	Repo Rate	4.25%	2.6%	1.7%	Higher	Cut	Sep-24
Australia	Cash Rate	4.35%	2.1%	2.3%	Lower	Hike	Nov-23
Norway	Deposit Rate	4.50%	3.0%	1.5%	Higher	Hike	Dec-23
New Zealand	Cash Rate	4.75%	2.2%	2.6%	Lower	Cut	Oct-24
US	Fed Funds	4.88%	2.4%	2.5%	Lower	Cut	Sep-24
UK	Bank Rate	5.00%	1.7%	3.3%	Lower	Cut	Aug-24
Hong Kong	Base Rate	5.25%	2.2%	3.1%	Lower	Cut	Sep-24
Chile	Base Rate	5.25%	4.1%	1.2%	Lower	Cut	Oct-24
Peru	Policy Rate	5.50%	2.0%	3.5%	Higher	Cut	Aug-24
Saudi Arabia	Repo Rate	5.50%	1.7%	3.8%	Higher	Cut	Sep-24
Poland	Repo Rate	5.75%	5.0%	0.8%	Higher	Cut	Oct-23
Indonesia	Repo Rate	6.00%	1.7%	4.3%	Lower	Cut	Sep-24
Philippines	Key Policy Rate	6.00%	2.3%	3.7%	Higher	Cut	Oct-24
India	Repo Rate	6.50%	5.5%	1.0%	Higher	Hike	Feb-23
South Africa	Repo Rate	8.00%	3.8%	4.2%	Lower	Cut	Sep-24
Colombia	Repo Rate	9.75%	5.8%	3.9%	Lower	Cut	Oct-24
Mexico	Overnight Rate	10.50%	4.6%	5.9%	Lower	Cut	Sep-24
Brazil	Target Rate	10.75%	4.4%	6.3%	Higher	Hike	Sep-24
Russia	Key Policy Rate	21.00%	8.6%	12.4%	Lower	Hike	Oct-24
Argentina	Overnight Repo	35.00%	209.0%	-174.0%	Lower	Cut	Nov-24
Turkey	Repo Rate	50.00%	48.6%	1.4%	Lower	Hike	Oct-24

TTCK Ấn Độ bị rút 10 tỷ trong tháng 10/2024

Global Funds Pull Record Sum From Indian Stocks in October



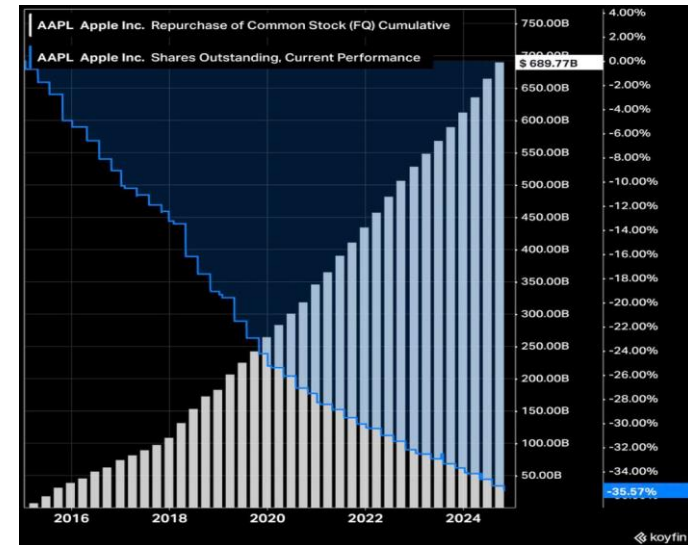
TTCK MỸ

TTCK Mỹ sẽ đi lên theo mùa kể từ ngày 5/11 ?

Nếu Ông Donal Trump đắc cử - Tesla sẽ tăng giá nhờ thuế nhập khẩu ô tô điện lên 100%



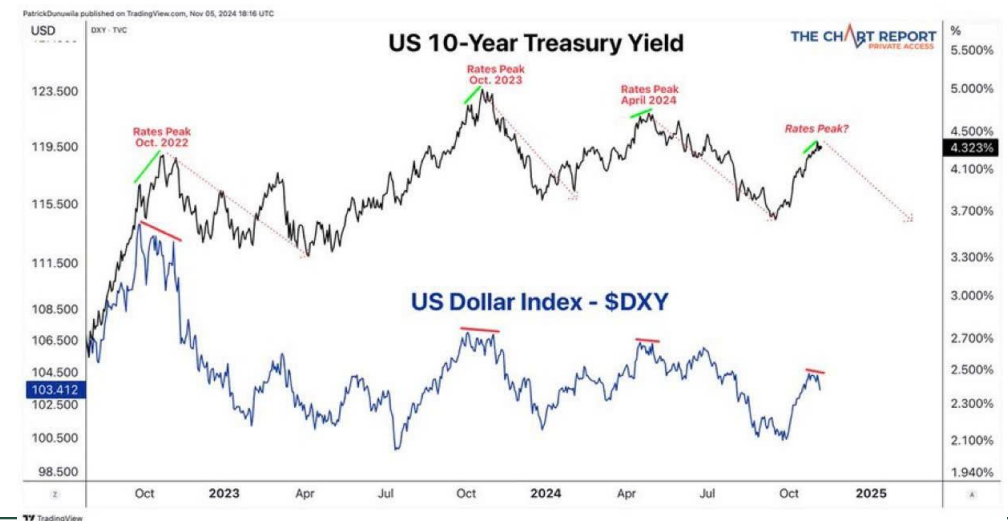
AAPL chi gần 700 tỷ mua cổ phiếu trong 10 năm qua giảm 35% lượng cổ phiếu lưu hành



PLTR vào chu kỳ tăng giá Parabol ?



Cả trái phiếu và DXY đều phát tín hiệu đi xuống – Tín hiệu tốt cho TTCK Mỹ ?



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính giá dịch sẽ tăng dần và phiên giao dịch tài nay.

(*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

